TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 03/2019
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 15/03/2019

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2120218242	Ông Thị Thanh	An	K21QTH	02/02/1997	8.0	Tám	
2	2227211584	Trương Đình Bảo	An	D22QTHB	17/01/1992	4.0	Bốn	
3	2121213401	Nguyễn Văn Việt	Anh	K21QTH	02/11/1996	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
4	2121219889	Lê Thành	Danh	K21QTH	21/02/1995	V	Vắng	
5	2121213382	Lê Phỉ	Đức	K21QTH	06/04/1997	6.0	Sáu	
6	2120216979	Lê Thanh	Hà	K21QTH	08/01/1997	6.5	Sáu Phẩy Năm	
7	2021213313	Đoàn Phi	Hải	K20QTH	12/02/1995	0.0	Không	
8	2121215425	Nguyễn Hoàng	Hải	K21QTH	24/03/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
9	2120217955	Lê Thị Lệ	Hằng	K21QTH	19/09/1997	8.3	Tám Phẩy Ba	
10	2120218254	Hồ Thị Diễm	Hiền	K21QTH	03/11/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
11	2120218677	Trần Thị Thu	Hiền	K21QTH	19/10/1997	7.3	Bảy Phẩy Ba	
12	2226211587	Lê Thị Thu	Hồng	D22QTHB	27/09/1995	5.9	Năm Phẩy Chín	
13	2021215608	Trần Kim	Hùng	K20QTH	01/03/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
14	1920214994	Trịnh Mai Lan	Hương	K20QTH	02/01/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
15	2226211588	Trần Nữ Hoàng	Hường	D22QTHB	30/11/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
16	2226211799	Phạm Thị	Huyền	D22QTHC	24/05/1992	8.8	Tám Phẩy Tám	
17	1920215044	Nguyễn Ngọc Lê	Khanh	K19QTH	15/02/1995	4.0	Bốn	
18	2120213376	Trần Thị Phương	Kiều	K21QTH	17/05/1997	6.5	Sáu Phẩy Năm	
19	1911619376	Lê Tùng	Lâm	K21QTH	20/01/1993	V	Vắng	
20	2021217132	Đoàn Thị Thảo	Lan	K20QTH	20/08/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
21	2120218661	Hoàng Thị Diễm	Liên	K21QTH	30/05/1997	6.8	Sáu Phẩy Tám	
22	2227211800	Nguyễn Ngọc	Liên	D22QTHC	20/11/1990	7.6	BảyPhẩy Sáu	
23	2227211801	Phạm Hữu	Lộc	D22QTHC	20/02/1995	7.3	Bảy Phẩy Ba	
24	2121253899	Đặng Quang	Minh	K21QTH	10/02/1997	6.3	Sáu Phẩy Ba	
25	2120219084	Nguyễn Nhật Tiểu	My	K21QTH	22/06/1997	9.3	Chín Phẩy Ba	
26	2226211590	Đào Kim	Ngân	D22QTHB	06/08/1994	0.5	Không Phẩy Năm	
27	2021215734	Phạm Thành	Nhân	K20QTH	22/09/1996	7.5	Bảy Phẩy Năm	
28	2120213380	Phạm Thị	Nương	K21QTH	26/03/1997	8.0	Tám	
29	2121213404	Nguyễn Tấn	Phúc	K21QTH	05/01/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
30	2121213385	Đoàn Thiên	Phước	K21QTH	30/07/1997	6.5	Sáu Phẩy Năm	
31	2120213464	Nguyễn Diệu Ái	Phương	K21QTH	16/05/1997	7.0	Bảy	
32	2120218483	Đặng Thị Như	Quỳnh	K21QTH	29/06/1997	4.0	Bốn	
33	2110235006	Đặng Nữ	Rina	K21QTH	07/02/1996	6.0	Sáu	
34	2120213318	Nguyễn Thị	Sang	K21QTH	28/04/1996	6.9	Sáu Phẩy Chín	
35	2121218072	Phan Minh	Thăng	K21QTH	25/09/1997	6.0	Sáu	
36	2120215498	Phan Thị Hoài	Thanh	K21QTH	09/12/1997	5.9	Năm Phẩy Chín	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
37	2120217934	Nguyễn Thị	Thi	K21QTH	11/03/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
38	2121213348	Cao Xuân	Thịnh	K21QTH	21/04/1997	9.0	Chín	
39	2121217919	Hồ Viễn	Thông	K21QTH	22/05/1996	6.0	Sáu	
40	2120219861	Ngô Thị Kim	Tiến	K21QTH	04/05/1997	7.3	Bảy Phẩy Ba	
41	2121213410	Ngô Nguyễn Phước	Toàn	K21QTH	17/11/1996	5.9	Năm Phẩy Chín	
42	2120215513	Trần Thị Thùy	Trâm	K21QTH	03/06/1997	6.0	Sáu	
43	2120218261	Thái Thị Ngọc	Trâm	K21QTH	25/05/1997	6.1	Sáu Phẩy Một	
44	2120213350	Đỗ Hoàng Khánh	Trang	K21QTH	29/11/1997	5.9	Năm Phẩy Chín	
45	2121213315	Nguyễn Hữu	Trí	K21QTH	22/10/1997	6.1	Sáu Phẩy Một	
46	1921218433	Võ Thanh	Trung	K19QTH	02/11/1995	6.0	Sáu	
47	2121219198	Hoàng Đình	Trung	K21QTH	27/11/1997	V	Vắng	
48	2121219267	Mai Thanh	Trung	K21QTH	08/10/1997	7.8	Bảy Phẩy Tám	
49	2021174516	Hà Quang	Trường	K20QTH	21/10/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
50	2121217918	Lương Thiên	Tứ	K21QTH	05/10/1996	7.3	Bảy Phẩy Ba	
51	2121216644	Dương Ngọc	Tuyền	K21QTH	15/07/1997	6.1	Sáu Phẩy Một	
52	2120217997	Võ Thị Ái	Vi	K21QTH	16/05/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
53	2120218330	Võ Thị Thúy	Vi	K21QTH	27/10/1997	V	Vắng	
54	2021215108	Ngô Văn Trường	Vinh	K20QTH	30/12/1995	V	Vắng	
55	2121216759	Trịnh Quốc	Vinh	K21QTH	28/06/1995	6.5	Sáu Phẩy Năm	
56	2021126545	Nguyễn Bá	Vương	K20QTH	05/06/1995	5.9	Năm Phẩy Chín	
57	2121218373	Trần Hoàng	Vỹ	K21QTH	12/10/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
58	2120219589	Hoàng Thị Hải	Yến	K21QTH	18/08/1995	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
59	2226511268	Ngô Thị	Châu	T22YDD-A	29/03/1994	8.6	Tám Phẩy Sáu	
60	2226511271	Nguyễn Thị	Giang	T22YDD-A	26/06/1995	6.1	Sáu Phẩy Một	
61	2226511273	Ngô Thị Thu	Hà	T22YDD-A	20/06/1993	5.6	Năm Phẩy Sáu	
62	2226511274	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	T22YDD-A	01/05/1991	5.6	Năm Phẩy Sáu	
63	2226511275	Trần Thị	Hậu	T22YDD-A	23/03/1991	5.7	Năm Phẩy Bảy	
64	2226511278	Trần Thị	Hoa	T22YDD-A	07/06/1994	7.3	Bảy Phẩy Ba	
65	2226511279	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	T22YDD-A	20/04/1986	8.7	Tám Phẩy Bảy	
66	2226511280	Nguyễn Thế Vĩnh	Hòa	T22YDD-A	25/09/1989	6.5	Sáu Phẩy Năm	
67	2226511283	Phạm Thị Thu	Huyền	T22YDD-A	04/06/1992	5.9	Năm Phẩy Chín	
68	2226511284	Lê Thị Kim	Liên	T22YDD-A	15/10/1988	6.2	Sáu Phẩy Hai	
69	2226511285	Nguyễn Thị	Mai	T22YDD-A	17/04/1994	5.9	Năm Phẩy Chín	
70	2226511286	Hồ Thị Tuyết	Mai	T22YDD-A	27/10/1992	5.6	Năm Phẩy Sáu	
71	2226511290	Tạ Thị Mai	Ninh	T22YDD-A	16/08/1980	9.2	Chín Phẩy Hai	
72	2226511288	Trần Thị	Nhiên	T22YDD-A	07/09/1989	3.8	Ba Phẩy Tám	
73	2226511291	Trần Thị	Phương	T22YDD-A	20/04/1987	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
74	2226511300	Đinh Thị	Tuyết	T22YDD-A	14/05/1991	5.6	Năm Phẩy Sáu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
75	**2226511292**	Lê Thị Phương	**Thảo**	T22YDD-A	07/12/1989	**6.2**	**Sáu Phẩy Hai**	
76	**2226511295**	Đỗ Thị Thanh	**Thúy**	T22YDD-A	10/08/1988	**5.9**	**Năm Phẩy Chín**	
77	**2226511293**	Trần Thị Anh	**Thư**	T22YDD-A	24/05/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
78	**2226511294**	Huỳnh Thị Hoài	**Thương**	T22YDD-A	20/12/1989	**5.7**	**Năm Phẩy Bảy**	
79	**2226511297**	Trương Thị Thùy	**Trang**	T22YDD-A	01/11/1992	**5.6**	**Năm Phẩy Sáu**	
80	**2226511301**	Phạm Thị Ái	**Vân**	T22YDD-A	01/07/1990	**7.0**	**Bảy**	
81	**2020713954**	Nguyễn Thị Trâm	**Anh**	K20KDN	22/03/1996	**6.3**	**Sáu Phẩy Ba**	
82	**2226261476**	Võ Thị Hoàng	**Anh**	T22KDN	04/04/1993	**6.3**	**Sáu Phẩy Ba**	
83	**2021264580**	Huỳnh Quốc	**Cường**	K20KDN	06/09/1996	**6.6**	**Sáu Phẩy Sáu**	
84	**2227261477**	Lê Tấn	**Dương**	T22KDN	28/09/1993	**5.9**	**Năm Phẩy Chín**	
85	**1810213930**	Hoàng Thị Thu	**Hà**	D22KDN	17/09/1994	**6.8**	**Sáu Phẩy Tám**	
86	**1810216124**	Nguyễn Trương Mỹ	**Hảo**	D22KDN	28/02/1994	**5.6**	**Năm Phẩy Sáu**	
87	**2227261812**	Nguyễn Ngọc	**Huy**	D22KDNC	17/05/1994	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
88	**2226261479**	Lê Hoàng Trúc	**Loan**	T22KDN	09/11/1989	**6.2**	**Sáu Phẩy Hai**	
89	**2126261714**	Huỳnh Thị Trà	**My**	D22KDNB	11/04/1993	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
90	**2120257558**	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	K21KDN	05/10/1997	**5.9**	**Năm Phẩy Chín**	
91	**2226261482**	Trần Thị Thu	**Sương**	T22KDN	02/08/1994	**5.8**	**Năm Phẩy Tám**	
92	**2226261483**	Lê Thị Thùy	**Thương**	T22KDN	30/06/1991	**5.6**	**Năm Phẩy Sáu**	
93	**2226261485**	Phạm Thị	**Y**	T22KDN	02/09/1992	**6.1**	**Sáu Phẩy Một**	
94	**2020254869**	Nguyễn Thị	**Lài**	K20KKT	10/12/1995	**5.9**	**Năm Phẩy Chín**	